



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI  
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM  
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM  
Số: 143/TBHH-TCTBĐATHHMN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 30 tháng 6 năm 2023

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI**  
**Thiết lập mới hệ thống báo hiệu hàng hải thuộc dự án**  
**Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1**

**TGG - 07 - 2023**

- Vùng biển: Tỉnh Tiền Giang

*Căn cứ Đơn đề nghị số 118/ĐĐN-TBHH nhận ngày 29/6/2023 của Công ty Cổ phần năng lượng điện gió Tiền Giang về việc công bố thông báo hàng hải thiết lập hệ thống báo hiệu hàng hải thuộc dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1.*

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo: Thiết lập mới hệ thống báo hiệu hàng hải thuộc dự án Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 với những đặc tính nhận biết như sau:

- Vị trí thiết lập báo hiệu: Vùng biển tỉnh Tiền Giang.
- Tọa độ địa lý:

| Tên báo hiệu | Hệ VN-2000    |                | Hệ WGS-84     |                |
|--------------|---------------|----------------|---------------|----------------|
|              | Vĩ độ         | Kinh độ        | Vĩ độ         | Kinh độ        |
| "N1"         | 10°12'00,83"N | 106°54'21,42"E | 10°11'57,16"N | 106°54'27,83"E |
| "N2"         | 10°10'09,16"N | 106°53'53,27"E | 10°10'05,48"N | 106°53'59,69"E |
| "N3"         | 10°10'30,82"N | 106°52'33,16"E | 10°10'27,14"N | 106°52'39,58"E |
| "N4"         | 10°10'56,68"N | 106°51'29,92"E | 10°10'53,01"N | 106°51'36,34"E |
| "N5"         | 10°12'54,12"N | 106°50'57,47"E | 10°12'50,45"N | 106°51'03,89"E |
| "N6"         | 10°12'31,15"N | 106°52'33,55"E | 10°12'27,48"N | 106°52'39,97"E |
| "N7"         | 10°13'08,18"N | 106°49'47,16"E | 10°13'04,51"N | 106°49'53,58"E |
| "N8"         | 10°13'37,32"N | 106°48'31,53"E | 10°13'33,65"N | 106°48'37,95"E |
| "N9"         | 10°14'10,71"N | 106°48'19,44"E | 10°14'07,04"N | 106°48'25,86"E |
| "WT1"        | 10°10'57,89"N | 106°51'15,47"E | 10°10'54,22"N | 106°51'21,88"E |
| "WT8"        | 10°12'51,35"N | 106°51'05,38"E | 10°12'47,68"N | 106°51'11,80"E |
| "WT9"        | 10°10'38,63"N | 106°52'27,30"E | 10°10'34,96"N | 106°52'33,71"E |
| "WT16"       | 10°12'32,53"N | 106°52'27,31"E | 10°12'28,86"N | 106°52'33,72"E |
| "WT17"       | 10°10'18,03"N | 106°53'42,91"E | 10°10'14,36"N | 106°53'49,33"E |
| "WT24"       | 10°12'05,35"N | 106°54'04,06"E | 10°12'01,68"N | 106°54'10,48"E |
| SL 8.1       | 10°12'53,31"N | 106°51'05,38"E | 10°12'49,69"N | 106°51'11,70"E |
| SL 8.2       | 10°12'52,73"N | 106°51'06,78"E | 10°12'49,11"N | 106°51'13,09"E |
| SL 8.3       | 10°12'51,35"N | 106°51'07,35"E | 10°12'47,73"N | 106°51'13,67"E |
| SL 7.1       | 10°12'37,10"N | 106°51'06,83"E | 10°12'33,48"N | 106°51'13,14"E |

|         |               |                |               |                |
|---------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| SL 7.2  | 10°12'36,52"N | 106°51'08,22"E | 10°12'32,90"N | 106°51'14,53"E |
| SL 7.3  | 10°12'35,14"N | 106°51'08,79"E | 10°12'31,52"N | 106°51'15,11"E |
| SL 16.1 | 10°12'34,49"N | 106°52'27,31"E | 10°12'30,87"N | 106°52'33,63"E |
| SL 16.2 | 10°12'33,91"N | 106°52'28,70"E | 10°12'30,29"N | 106°52'35,02"E |
| SL 16.3 | 10°12'32,53"N | 106°52'29,27"E | 10°12'28,91"N | 106°52'35,59"E |
| SL 15.1 | 10°12'18,21"N | 106°52'27,31"E | 10°12'14,60"N | 106°52'33,62"E |
| SL 15.2 | 10°12'17,63"N | 106°52'28,70"E | 10°12'14,02"N | 106°52'35,02"E |
| SL 15.3 | 10°12'16,25"N | 106°52'29,27"E | 10°12'12,64"N | 106°52'35,59"E |
| SL 24.1 | 10°12'07,30"N | 106°54'04,06"E | 10°12'03,69"N | 106°54'10,38"E |
| SL 24.2 | 10°12'06,73"N | 106°54'05,45"E | 10°12'03,11"N | 106°54'11,77"E |
| SL 24.3 | 10°12'05,34"N | 106°54'06,03"E | 10°12'01,73"N | 106°54'12,34"E |
| SL 23.1 | 10°11'51,97"N | 106°54'01,04"E | 10°11'48,35"N | 106°54'07,36"E |
| SL 23.2 | 10°11'51,39"N | 106°54'02,43"E | 10°11'47,78"N | 106°54'08,75"E |
| SL 23.3 | 10°11'50,01"N | 106°54'03,00"E | 10°11'46,39"N | 106°54'09,32"E |
| SL 17.1 | 10°10'18,02"N | 106°53'44,88"E | 10°10'14,40"N | 106°53'51,19"E |
| SL 17.2 | 10°10'16,64"N | 106°53'44,29"E | 10°10'12,97"N | 106°53'50,71"E |
| SL 17.3 | 10°10'16,07"N | 106°53'42,90"E | 10°10'12,46"N | 106°53'49,21"E |

Tác dụng: Báo hiệu khu vực Nhà máy điện gió Tân Phú Đông 1 và khu vực trụ chống va ngoài cùng.

### **1. Báo hiệu khu vực điện gió trên biển (báo hiệu trên Trụ turbine)**

#### **1.1. Đặc tính nhận biết ban ngày**

- Hình dạng: Hình trụ;
- Màu sắc: Màu vàng;
- Chiều cao: 15 m tính đến mặt nước triều thiên văn cao nhất;
- Số hiệu: “WT1”, “WT8”, “WT9”, “WT16”, “WT17”; “WT24” màu đỏ.

#### **1.2. Đặc tính nhận biết ban đêm**

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng vàng, chớp đồng bộ theo tín hiệu mã Morse chữ “U”, chu kỳ 15 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360°;
- Chiều cao tâm sáng: 12 m từ mực nước “0” Hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 5,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển  $T = 0,74$ .

### **2. Phao báo hiệu hàng hải chuyên dùng**

#### **2.1. Đặc tính nhận biết ban ngày**

- Hình dạng: Hình tháp;
- Loại phao: Đường kính 2,4 m;
- Màu sắc: Màu vàng;
- Dấu hiệu đỉnh: Một chữ “X” màu vàng;
- Chiều cao toàn bộ: 5,980 m;

- Số hiệu: “N1”, “N2”, “N3”, “N4”, “N5”, “N6”, “N7”, “N8”, “N9” màu đỏ.

## 2.2. Đặc tính nhận biết ban đêm

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng vàng, chớp nhóm (3+1), chu kỳ 18,0 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360°;
- Chiều cao tâm sáng: 5,595 m tính đến mặt nước;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 2,5 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển  $T = 0,74$ .

## 3. Báo hiệu hàng hải trên trụ chống va

Tác dụng: Báo hiệu khu vực trụ chống va ngoài cùng.

### 3.1. Đặc tính ban ngày:

- Hình dạng: hình trụ;
- Màu sắc: màu vàng;
- Chiều cao: 8,8 m từ mực nước “0” Hải đồ;
- Số hiệu: “SL 8.1”, “SL 8.2”, “SL 8.3”, “SL 7.1”, “SL 7.2”, “SL 7.3”, “SL 16.1”, “SL 16.2”, “SL 16.3”, “SL 15.1”, “SL 15.2”, “SL 15.3”, “SL 24.1”, “SL 24.2”, “SL 24.3”, “SL 23.1”, “SL 23.2”, “SL 23.3”, “SL 17.1”, “SL 17.3”.

### 3.2. Đặc tính ban đêm:

- Đặc tính ánh sáng: Ánh sáng vàng, chớp đồng bộ theo tín hiệu mã Morse chữ “U”, chu kỳ 15 giây;
- Phạm vi chiếu sáng: 360°;
- Chiều cao tâm sáng: 9,4 m từ mực nước “0” Hải đồ;
- Tầm hiệu lực ánh sáng: 5,0 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển  $T = 0,74$ .

## 4. Báo hiệu AIS “thực”

- Tọa độ và mã nhận dạng:

| Tên báo hiệu | Hệ WGS-84     |                | Mã nhận dạng |
|--------------|---------------|----------------|--------------|
|              | Vĩ độ         | Kinh độ        |              |
| “WT1”        | 10°10'54,22"N | 106°51'21,88"E | 995741553    |
| “WT8”        | 10°12'47,68"N | 106°51'11,80"E | 995741554    |
| “WT17”       | 10°10'14,36"N | 106°53'49,33"E | 995741555    |
| “WT24”       | 10°12'10,68"N | 106°54'10,48"E | 995741556    |
| “SL17.2”     | 10°10'12,97"N | 106°53'50,71"E | 995741558    |

- Loại báo hiệu hàng hải: Báo hiệu hàng hải AIS “thực”;
  - Dải tần số hoạt động: 161,975 Mhz - 162,025 Mhz;
  - Số hiệu: “WT1”, “WT8”, “WT17”, “WT24”, “SL 17.2”
  - Tần suất phát thông tin: liên tục 24/7;
  - Tầm hiệu lực: 12 hải lý;
  - Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải “WT1”, “WT8”, “WT17”, “WT24”:
- Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của báo hiệu trên các trụ turbine.

- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải “SL17.2”: Bức điện số 21 thông tin về tên, vị trí, tác dụng của báo hiệu trên trụ chống va.

## HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI

Các phương tiện hành trình trên vùng biển tỉnh Tiền Giang chú ý các báo hiệu có đặc điểm nêu trên, giữ khoảng cách an toàn, tăng cường cảnh giới, giữ liên lạc thông suốt, tuyệt đối tuân thủ sự điều động của Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh.

Để biết thêm thông tin chi tiết liên hệ với Công ty Cổ phần năng lượng điện gió Tiền Giang <sup>(1)</sup>./.

### Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải TP.HCM;
- Công ty TNHH MTV HT KV I;
- Cty TNHH MTV TT điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website [www.vms-south.vn](http://www.vms-south.vn);
- Phòng: KTKH, KT, HTQT&QLHT;
- Lưu VT-VP, P.ATHH<sub>Bình</sub>.

### Danh sách nơi nhận kèm theo

- |                                                              |                                                  |
|--------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 1 Bộ Tư lệnh Hải quân                                        | 10 Cty CP Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam      |
| 2 Cảnh sát Biển Việt Nam                                     | 11 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn)        |
| 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam                            | 12 Cty CP Vận Tải & Cung ứng Xăng Dầu Đường Biển |
| 4 Chi Cục Đường thủy nội địa phía Nam                        | 13 Cty Vận tải biển Sài Gòn (SaigonShip)         |
| 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam                                  | 14 Cty cổ phần Vận tải biển Việt Nam (VOSCO)     |
| - Liên danh Việt – Nga Vietsovpetro (VSP)                    | 15 Cty CP Vận tải biển VINASHIP                  |
| - Tổng Cty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)                | 16 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam          |
| - Tổng Cty Thăm dò & Khai thác Dầu khí (PVEP)                | 17 CN1 - Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam         |
| - Tổng Cty CP Vận tải Dầu khí (PV Trans)                     | 18 Trường Đại học GTVT TP.HCM                    |
| - Cty CP Vận tải sản phẩm Khí Quốc tế (Gas shipping)         | 19 Trường Cao đẳng Hàng hải II                   |
| - Trung tâm Ứng phó Sự cố Tràn dầu khu vực miền Nam          | 20 Cty CP Cảng Sài Gòn                           |
| 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex)                    | 21 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh         |
| 7 Cty CP Vận tải Xăng dầu VITACO                             | 22 Đài thông tin Duyên hải Tp. Hồ Chí Minh       |
| 8 Cty CP Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex              | 23 Cty Phương Nam - Bộ Quốc phòng                |
| 9 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam (Vinalines)                     | 24 Bộ đội Biên phòng tỉnh Tiền Giang             |
| - Cty TNHH MTV Vận tải Biển đông (BISCO)                     | 25 Sở Giao thông vận tải tỉnh Tiền Giang         |
| - Cty Vận tải biển Container Vinalines (Vinalines Container) | 26 Sở NN&PTNT tỉnh Tiền Giang                    |
| - Cty Vận tải biển Vinalines (VLC)                           | 27 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Đông Nam Bộ      |
| - Cty CP Hàng hải Đông Đô (DONGDO MARINE)                    | 28 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Tây Nam Bộ       |
| - Cty CP Vận tải biển & Hợp tác lao động Quốc tế             | 29 Cty CP năng lượng điện gió Tiền Giang         |
| - Cty Hàng hải Vinalines Nha Trang                           |                                                  |
| - Cty Vận tải Biển Bắc                                       |                                                  |

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đinh Thái Công**

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3. điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.